

CHỦ ĐỀ 1: TRUYỆN TRUYỀN THUYẾT VÀ TRUYỆN CỔ TÍCH

(6 tiết)

A. Mục tiêu:

1. Năng lực:

- Hiểu và phân tích các đặc trưng cơ bản của truyện truyền thuyết, truyện cổ tích; củng cố năng lực đọc hiểu các văn bản đã học: Thánh Gióng, Thạch Sanh, Sự tích Hồ Gươm

- Vận dụng kiến thức đã học để làm các câu hỏi và bài tập đọc hiểu mở rộng trong các văn bản truyện truyền thuyết và cổ tích ngoài SGK.

- Góp phần phát triển các năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, hợp tác, sử dụng CNTT.

2. Phẩm chất:

- Yêu nước: tự hào về lịch sử dựng nước, giữ nước

- Trách nhiệm: giữ gìn và bảo vệ văn hóa dân tộc, lịch sử văn hóa địa phương.

B. Phương tiện và học liệu:

- Máy chiếu, máy chiếu vật thể

- Phiếu học tập, các văn bản truyện truyền thuyết và cổ tích ngoài SGK

C. Tiến trình dạy học:

Các hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HĐ 1: Củng cố kiến thức cơ bản về truyện truyền thuyết - GV yêu cầu HS nhắc lại KT đã học: 1. Các đặc trưng cơ bản, phân loại truyện truyền thuyết. 2. Các kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện truyền thuyết. - HS độc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi - GV gọi 2,3 HS trả lời; HS khác nhận xét, bổ sung - GV tổng hợp kiến thức, nhấn mạnh và khắc sâu 1 số KT sau: + nổi bật trong truyền thuyết là những nhân vật có công lao to lớn trong công cuộc dựng nước buổi đầu (Hùng Vương): công cuộc sáng tạo văn hóa (Sơn Tinh,	A. Truyện truyền thuyết: I. Kiến thức Ngữ văn: 1. Khái niệm: là loại truyện dân gian kể về nhân vật và các sự kiện lịch sử, thể hiện ý thức phản ánh lịch sử của nhân dân ta theo hai xu hướng: lịch sử hóa thần thoại và kì ảo hóa sự thật lịch sử. 2. Đặc trưng: - <i>Truyện thuyết</i> chủ yếu kể về nhân vật và sự kiện lịch sử. - Những nhân vật truyền thuyết xuất hiện gắn với các biến cố, các sự kiện lịch sử quan trọng và được tác giả dân gian ca ngợi, đề cao. - Truyện thuyết có chức năng phản ánh và lý giải lịch sử. 2. Phân loại truyện thuyết: - Truyện thuyết anh hùng: được

Chữ Đồng Tử, Mai An Tiêm, Lang Liêu...); công cuộc chống giặc ngoại xâm (Thánh Gióng, Hai Bà Trưng, Lê Lợi...) + các yếu tố hoang đường kì ảo còn được gọi là các chi tiết kì ảo, thần kì, phi thường, hoang đường, là chi tiết NT đặc sắc của các truyện dân gian như thần thoại, truyện cổ tích. + chi tiết kì ảo do trí tưởng tượng của người xưa thêu dệt, gắn liền với quan niệm mọi vật đều có linh hồn, thế giới xen lẫn thần linh và con người. + diễn xướng truyền thuyết thường gắn với lễ hội dân gian. Nhân vật lịch sử xuất hiện trong các lễ hội hàng năm qua các nghi lễ thờ phụng thành kính, cho thấy lòng biết ơn, niềm tự hào của người đời sau đối với công trạng của nhân vật lịch sử. * HĐ 2: Hệ thống, củng cố và khắc sâu	xác định qua các tư liệu truyền thuyết về thời Văn Lang và Âu Lạc. - Truyền thuyết lịch sử: được xác định qua tư liệu truyền thuyết đời sau, bao gồm truyền thuyết thời kỳ Bắc thuộc và các triều đại phong kiến tự chủ. 3. Kỹ năng đọc văn bản truyền thuyết: - Đọc kĩ văn bản truyền thuyết và xác định văn bản đọc hiểu thuộc tiểu loại nào. - Đọc kĩ để phát hiện chủ đề bao quát của tác phẩm - Đọc kĩ để hiểu được các nội dung phản ánh cụ thể của tác phẩm - Nhận diện và phân tích được đặc điểm nhân vật chính/nhân vật trung tâm trong tác phẩm. - Suy nghĩ để tìm ra những chi tiết chuyện quan trọng và hiểu được vai trò ý nghĩa của chúng trong văn bản. - Suy nghĩ để phát hiện được yếu tố sự thật lịch sử và yếu tố hư cấu, tưởng tượng trong văn bản; ý nghĩa của chúng trong việc thể hiện nhận thức và lí giải về nhân vật và sự kiện lịch sử của nhân dân. - Suy nghĩ để cảm nhận được tư tưởng, quan niệm của tác giả dân gian thể hiện qua nội dung biểu đạt của văn bản. - Từ văn bản truyền thuyết liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại để thấy được ý nghĩa của truyện đối với cuộc sống, con người. II. Củng cố, mở rộng kiến thức về các truyện truyền thuyết đã học:
---	---

kiến thức về các văn bản đã học

- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân hoàn thành các bài tập 1,2,3 trong phần II, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm cặp và chia sẻ trước lớp.

1. Bài tập 1: Dựa vào các văn bản đã học để hoàn thiện bảng mẫu sau:

STT	Các yếu tố truyền thuyết	Nhận xét
1	Chủ đề	
2	Nhân vật	
3	Cốt truyện	
4	Yếu tố hoang đường kì ảo	
5	Cách đánh giá của nhân dân	

Câu 2: Sưu tầm một số bản kể của các truyền thuyết đã học. So sánh và sự giống và khác nhau (sự kiện, chi tiết) giữa các bản kể

Câu 3: Sưu tầm trên mạng internet hoặc sách vở, tài liệu các bài thơ hoặc vở kịch thể hiện nội dung truyện Thánh Gióng, Sự tích Hồ Gươm

- HS xác định yêu cầu từng BT, độc lập làm bài và thống nhất theo nhóm cặp.

- GV tổ chức cho HS trình bày và nhận xét, bổ sung từng bài tập.

- GV chốt kiến thức từng bài tập:

Bài tập 1: Dựa vào các văn bản đã học để hoàn thiện bảng mẫu sau:

STT	Các yếu tố truyền thuyết	Nhận xét
1	Chủ đề	Xây dựng biểu tượng rạch rỡ về ý thức và sức mạnh bảo vệ đất nước; thể hiện quan niệm và ước mơ về người anh hùng cứu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc ta thời xưa. (qua nhân vật Thánh Gióng, Lê Lợi...)
2	Nhân vật	Người anh hùng có công chống giặc ngoại xâm
3	Cốt truyện	Kết cấu 3 phần: giới thiệu truyện, diễn biến truyện và kết thúc truyện; các sự việc sắp xếp theo trình tự thời gian (trước - sau)
4	Yếu tố hoang	Yếu tố hoang đường kì ảo đặc sắc, mang nhiều ý nghĩa trong

	đường kì ảo	thể hiện phẩm chất nhân vật và có tác dụng thể hiện nội dung tư tưởng của truyện
5	Thái độ đánh giá của nhân dân	Sự ca ngợi, đề cao và trân trọng, tự hào của nhân dân ta đối với các nhân vật lịch sử
6	Sự thật lịch sử	Gắn liền với công cuộc giữ nước trong thời kì chống giặc phương Bắc; lưu lại các dấu tích đến ngày nay

Bài tập 2: HS tìm một số văn bản truyện truyền thuyết Thánh Gióng và Sự tích Hồ Gươm, so sánh bản kể đó với bản đã được học về: sự kiện, chi tiết được kể để nhận thấy sự tính dị bản trong các truyện dân gian

Bài tập 3: Tác phẩm thơ thể hiện nội dung truyện Thánh Gióng và Sự tích Hồ Gươm

1. Ngắm về Thánh Gióng (Võ Xuân Tửu)

Thánh Gióng
 Ăn cơm cà của dân mà lớn
 Áo giáp dân cho che chở thân mình
 Cưỡi ngựa sắt rèn từ con dao, cái cuốc
 Không có dân thì chỉ là cậu bé mà thôi.
 Thánh Gióng
 Thăng giặc Ân rồi trở về trời
 Để đất nước cho nhân dân làm lụng
 Không ở lại kể lể công lao và độc quyền lãnh đạo
 Không thông lưng với kẻ thù để giữ cái ngai.
 Thánh Gióng
 Ông đánh giặc vì dân chứ không phải vì mình
 Nên không ghi độc quyền cho mình vào giáp cốt
 Và ruộng của dân cứ để dân cày
 Không gom thành của chung rồi chia nhau hưởng lợi.
 *
 Thánh Gióng
 Ông về trời đã mấy ngàn năm
 Mà hồn thiêng trở thành bất tử
 Tre đằng ngà như còn bốc lửa
 Dân vẫn trồng gìn giữ nước non.

2. Hồ Gươm - Viên ngọc giữa thủ đô (07/10/2010)

NGHÌN NĂM GƯƠNG HỒ

Hồ Gươm gió bắc chiều đông
Chuông chùa vọng giữa thình không yên bình
Tháp Rùa soi bóng lung linh
Đâu là con sóng dấy binh thuở nào?

Kim Quy ẩn hiện nơi đâu
Kiếm thần xưa dưới hồ sâu có còn?
Thuyền rồng Lê Lợi khao quân
Mây xưa in bóng Long Vân mặt hồ

Gương hồ mộng, sắc hồ mơ
Trống rung mở trận bây giờ còn vang
Bao đời lịch sử sang trang
Bên hồ Lục Thủy vẫn hàng phượng xưa

Gió vờn liễu biếc đung đưa
Cây đa đèn Ngọc, Tháp Rùa, Đài Nghiên
Trời xanh một cõi Thuận Thiên
Vẹn nguyên Tháp Bút uy nghiêm vườn trời...

Thăng trầm thời cuộc bao đời
Vẫn một Hoàn Kiếm rạng soi Hà thành
Nước hồ vẫn đậm sắc xanh
Gái trai sóng bước dạo quanh gương hồ

Một viên ngọc giữa Thủ đô
Kim Quy hồi, có nhỡn nhớ đáy hồ
Ánh vàng lưỡi kiếm năm xưa
Giữ cho Thê Húc, Tháp Rùa vẹn nguyên

Kiếm thần xưa có linh thiêng
Giúp cho bờ cõi bình yên nghìn đời.

(Bùi Văn Bồng)

Hoàn Kiếm danh lừng rạng cõi mây
Vua Lê gươm trả chính nơi này
Giặc Minh bạo phát ngày xâm lược
Nam quốc thanh bình buổi thoát vây
Đuổi hết gian tà sông núi vững
Gom về phước hạnh nước nhà xây
Ngàn năm con cháu hoài ơn nghĩa
Bình định sơn hà mãi nhớ đây

Bình định sơn hà mãi nhớ đây

Miền trường Tổ quốc vững vàng xây Xa rồi những thuở lâm thù cướp Đã hết bao lần bị giặc vây Đợm thắm anh hào sông núi nọ Ngời thơm sự tích nước non này Trả gươm ngụ ý thanh bình mãi Hoàn Kiếm danh lừng rạng cõi mây (Liên hoàn - Thuận nghịch vận - Thủ vĩ ngâm)	
- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân làm các bài tập đọc hiểu mở rộng. - HS đọc lập thực hiện theo hướng dẫn - GV gọi HS bất kì trình bày bài, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	III. Vận dụng đọc hiểu văn bản mở rộng:
* Bài 1: Đọc truyền thuyết <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 8 1. Các sự kiện trong một câu chuyện dân gian thường được kết nối với nhau bởi quan hệ nguyên nhân và kết quả. Hãy tóm lược cốt truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> theo chuỗi quan hệ nguyên nhân - kết quả và thể hiện chuỗi quan hệ đó theo mẫu sau: Nguyên nhân (Vua Hùng tổ chức kén rể) -> Kết quả/nguyên nhân (Hai chàng trai tài giỏi cùng đến thi tài, không ai chịu thua ai) -> Kết quả (Vua Hùng ra điều kiện ai mang sấm lễ đến trước thì gả con gái cho) 2. Trong câu chuyện này, những nhân vật nào được gọi là thần? Hãy chỉ ra những đặc điểm khiến cho họ được coi là những vị thần. 3. Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này có gì đặc biệt? 4. <i>Sơn Tinh</i> phải giao tranh với <i>Thủy Tinh</i> vì lí do gì? Ai là người thắng cuộc và vì sao người thắng cuộc xứng đáng được xem là một anh hùng? 5. Chủ đề của truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> là gì? 6. Truyền thuyết cũng thường lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết trong năm. Theo em, truyện <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i> lí giải hiện tượng tự nhiên nào? Tác giả dân gian cho rằng do đâu mà có hiện tượng tự nhiên đó? 7. Thử tưởng tượng em là <i>Thủy Tinh</i> và nêu những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật sau khi bị thua cuộc. 8. Đây là tưởng tượng của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp về hình ảnh <i>Sơn Tinh</i> và <i>Thủy Tinh</i>: <i>Sơn Tinh có một mắt ở trán</i> <i>Thủy Tinh râu ria quăn xanh rì</i> <i>Một thần phi bạch hổ trên cạn</i> <i>Một thần cười lưng rồng uy nghi.</i> (Nguyễn Nhược Pháp, <i>Sơn Tinh, Thủy Tinh</i>, trích trong tập <i>Ngày xưa</i>, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội, 1996, tr. 9)	

Điều này cho thấy, từ những thông tin về nhân vật trong câu chuyện, mỗi chúng ta đều có thể tưởng tượng ra ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh theo cách riêng. Hãy ghi lại tưởng tượng của em bằng một đoạn văn (khoảng 5 - 7 câu)

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. Vua Hùng tổ chức kén rể → Hai chàng trai tài giỏi cùng đến thi tài, không ai chịu thua ai → Vua Hùng ra điều kiện ai mang sính lễ đến trước thì gả con gái cho → Sơn Tinh mang lễ vật đến trước, cưới được Mị Nương. Thủy Tinh đến sau, không lấy được vợ → Thủy Tinh nổi giận, đem quân đuổi theo đòi cướp Mị Nương, làm cho thành Phong Châu ngập chìm trong nước → Sơn Tinh không hề nao núng, hai bên đánh nhau kịch liệt → Thủy Tinh đuối sức chịu thua → oán nặng thù sâu, hàng năm Thủy Tinh vẫn làm mưa gió, bão lụt, dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng năm nào cũng mang thất bại trở về.

2. Trong câu chuyện này, nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh được gọi là thần vì: Sơn Tinh và Thủy Tinh có những năng lực siêu nhiên, có thể hô mưa gọi gió, dời núi, điều khiển được tự nhiên, vũ trụ....

3. Cuộc thi tài kén rể trong câu chuyện này đặc biệt vì: nhà vua không thể chọn ra được người nào phù hợp với Mị Nương nên buộc phải đưa ra yêu cầu sính lễ cùng thử thách về thời gian. Sính lễ trong truyện- thử thách cho cả hai chàng đều chỉ có ở trên cạn. Như vậy, cái đặc biệt có thể nói tới ở đây là ngay từ đầu, phần nào đó vua Hùng cũng như nhân dân ta đã nghiêng hẳn về vị thần non cao- Sơn Tinh, người mang đến lợi ích tốt đẹp cho cuộc sống con người.

4. - Sơn Tinh phải giao tranh với Thủy Tinh vì: Sơn Tinh tới trước nên vua Hùng Vương đã giữ lời gả con gái của mình là Mị Nương cho chàng. Thủy Tinh tới chậm hơn, không lấy được vợ nên vô cùng tức giận và dâng nước nhằm cướp lại nàng Mị Nương.

- Người thắng cuộc là Sơn Tinh.

- Người thắng cuộc được xem là một anh hùng vì Sơn Tinh chiến đấu chống lại Thủy Tinh và là người bảo vệ hạnh phúc, bình yên của nhân dân.

5. Chủ đề của truyện Sơn Tinh Thủy Tinh: ước mơ chế ngự thiên tai của người Việt cổ. Câu chuyện về quá trình dựng nước, giữ nước của các vua Hùng.

6. - Truyền thuyết cũng thường lí giải nguồn gốc các sự vật, hiện tượng hoặc nguyên nhân của một hiện tượng thời tiết trong năm. Truyện Sơn Tinh, Thủy Tinh lí giải hiện tượng mưa gió, bão lụt ở nước ta hằng năm.

- Theo tác giả dân gian, nguyên nhân của hiện tượng mưa gió, bão lụt chính là sự hận thù của Thủy Tinh sau khi không giành lại được Mị Nương từ tay Sơn Tinh và thất bại trong cuộc cầu hôn.

7. Thử nhập vai mình là Thủy Tinh và nêu cảm nghĩ: *(Ví dụ: Sau khi bị thua cuộc, tôi vô cùng căm giận. Có thể không căm giận hay sao khi tôi thất bại trong cuộc chiến giành người đẹp và thua trong cuộc chiến với Sơn Tinh sau đó. Nhìn thần dân của tôi một nhọc sau trận đấu, nhìn bao công sức tôi đã bỏ ra, lòng tôi lại cay đắng thêm muôn phần. Mỗi thù này tôi làm sao có thể rửa*

hết đây. Tôi không quan tâm ruộng đồng, nhà cửa, tôi chỉ cần biết lòng tự trọng một khi đã bị tổn thương thì cần phải tìm cách khôi phục. Hằng năm tôi sẽ dâng nước đánh Sơn Tinh, đánh để trả thù và hơn thế là rửa nỗi nhục ngày hôm nay. Không sớm thì muộn, tôi tin với sự kiên trì của mình, Sơn Tinh cũng sớm nếm mùi thất bại).

8. Viết đoạn văn đáp ứng hình thức theo yêu cầu và tưởng tượng về hai nhân vật để viết đoạn văn (Ví dụ: *Ngoại hình của nhân vật Sơn Tinh và Thủy Tinh- hai vị thần luôn gây tò mò cho bạn đọc. Vị thần núi Sơn Tinh thì có ba mắt. Mắt thứ ba kia như nhìn thấy mọi thứ để có thể thấy cảnh nhân dân lâm than trong dòng nước lũ và quyết tâm chiến thắng kẻ thù Thủy Tinh. Thần Sơn Tinh phi bạch hổ, oai phong lẫm liệt. Còn thần Thủy Tinh thì mang theo dáng vẻ phong trần với râu ria quan xanh rì. Màu xanh của biển cả nhuộm trên mình chàng. Cười rộng uy nghi càng tô điểm thêm cho vẻ đẹp Thủy Tinh- vẻ đẹp của quyền lực, bạo tố. Hai chàng trai là hai vẻ đẹp, hai bức họa sống động về tự nhiên muôn màu).*

Bài 2: Đọc truyện Bánh chưng bánh giầy và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 6

1. Vua Hùng chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào, với ý định ra sao và bằng hình thức gì?

2. Vì sao trong các con vua, chỉ có Lang Liêu được thần giúp đỡ?

3. Vì sao hai thứ bánh của Lang Liêu được vua cha chọn để tế Trời, Đất, Tiên vương và Lang Liêu được chọn nối ngôi vua?

4. Hãy nêu ý nghĩa của truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy”?

5. Trao đổi ý kiến: Ý nghĩa của phong tục nhân dân ta làm bánh chưng, bánh giầy và ngày Tết?

6. Đọc truyện này, em thích nhất chi tiết nào? Vì sao?

*** Dự kiến sản phẩm:**

1. - Hoàn cảnh vua Hùng chọn người nối ngôi: giặc ngoài đã yên và vua đã già.

- Ý định của vua Hùng: người nối ngôi phải nối được chí vua, không nhất thiết phải là con trưởng.

- Hình thức chọn người nối ngôi: “Năm nay, nhân lễ Tiên vương, ai làm vừa ý ta, ta sẽ truyền ngôi cho, có Tiên vương chứng giám”

⇒ Đây là một câu đố thử tài các lang làm sao có thể dâng lễ vật vừa ý vua cha.

2. - Lang Liêu là người con thiệt thòi nhất, nghèo và chỉ làm việc đồng áng, trồng lúa, khoai.

- Chàng hiểu được ý thần lấy nguyên liệu sẵn có của nhà nông để làm ra hai loại bánh.

3. - Vì Lang Liêu là người biết quý trọng hạt gạo, biết dùng những thứ do bàn tay mình làm ra để lễ Tiên Vương.

- Nguyên liệu làm ra thứ bánh đó ai cũng có thể kiếm và tự tay mình trồng ra được. Hơn nữa, việc gói hai thứ bánh ấy lại rất dễ làm nên bất kể người giàu hay người nghèo đều có thể làm hai thứ bánh ngon này dâng lên lễ Tổ tiên để thể hiện tấm lòng của mình.

4. - Giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy đồng thời tái hiện hình ảnh con người trong công cuộc dựng nước.

- Truyện còn phản ánh thành tựu văn minh nông nghiệp ở buổi đầu dựng nước với thái độ đề cao lao động, đề cao nghề nông và thể hiện sự thờ kính Trời, Đất và tổ tiên của nhân dân ta.

5. - Đề cao nghề làm nông có từ thời xa xưa.

- Một nét đẹp văn hóa truyền thống của người Việt và cũng là phong tục cổ truyền của nước ta.

- Giúp cho con cháu nhớ về tổ tiên và thể hiện lòng kính trọng với người sinh thành và nuôi dưỡng mình.

6. Chi tiết đặc trưng của truyện truyền thuyết làm cho câu chuyện có phần lý thú. HS có thể chọn 1 chi tiết hoang đường, kì ảo bất kì nhưng phải giải thích được lý do chọn chi tiết đó.

Bài 3: Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Đến ngày lễ Tiên vương, các lang mang sơn hào hải vị, nem công chả phượng tới, chẳng thiếu thứ gì. Vua cha xem qua một lượt rồi dừng lại trước chõng bánh của Lang Liêu, rất vừa ý, bèn gọi lên hỏi. Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại. Vua cha ngẫm nghĩ rất lâu rồi chọn hai thứ bánh ấy đem tế Trời, đất cùng Tiên Vương”

Câu 1: Xác định phương thức biểu đạt chính của đoạn văn?

Câu 2: Xét về cấu tạo, từ “giấc mộng” trong câu: “*Lang Liêu đem giấc mộng gặp thần ra kể lại*” thuộc loại từ gì?

Câu 3: Hai thứ bánh trong đoạn văn trên là loại bánh nào? Ý nghĩa của hai loại bánh ấy?

Câu 4: Qua văn bản chứa đoạn văn trên, em hiểu biết thêm gì về đất nước, dân tộc ta thời vua Hùng?

Câu 5: Viết một đoạn văn ngắn trình bày ý nghĩa chi tiết tưởng tượng kì ảo “Lang Liêu được thần báo mộng”.

*** Dự kiến sản phẩm:**

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính: Tự sự

Câu 2: Từ “giấc mộng” là từ ghép

Câu 3: Hai thứ bánh đó là bánh chưng và bánh giầy

- Ý nghĩa:

+ Ý nghĩa thực tế : Đề cao thành quả của nghề nông.

+ Ý nghĩa sâu xa: tượng trưng của Trời - Đất, muôn loài, tượng trưng cho ngụ ý đùm bọc nhau.

Câu 4:

- Truyền thống yêu nước chống giặc ngoại xâm của dân tộc.

- Thời kì đất nước ta phát triển kinh tế, người dân tự làm ra lương thực để duy trì đời sống.

- Hiểu biết hơn về văn hóa dân tộc, biết ơn Trời đất, Tổ tiên qua việc tế lễ.

Câu 5:

- Trong truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy, chi tiết tưởng tượng kì ảo duy nhất được sử dụng chính là chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng.

- Ý nghĩa:

+ Chi tiết quen thuộc trong các truyện dân gian: người nghèo khổ, thiết thời luôn được thần tiên giúp đỡ.

+ Lang Liêu được tổ tiên, thần linh giúp đỡ, góp phần làm cho hình tượng nhân vật trở nên đẹp hơn. Thể hiện sự đồng tình của nhân dân với một hoàng tử có nhiều bất hạnh, chịu khó, gắn bó với nhân dân.

+ Thể hiện niềm tin của nhân dân vào tổ tiên linh thiêng, thần thánh của mình.

+ Khiến câu chuyện hay hơn, hấp dẫn người đọc, người nghe.

- Có thể nói, chi tiết Lang Liêu được Thần báo mộng và lời báo mộng trở thành hiện thực là một chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa làm nên thành công của truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy

Đoạn văn tham khảo

Trong tác phẩm Bánh chưng bánh giầy, chi tiết kì tưởng tượng, kì ảo duy nhất được sử dụng là chi tiết Lang Liêu được thần báo mộng, đây là chi tiết mang ý nghĩa sâu sắc.. Đây là chi tiết quen thuộc trong các truyện dân gian: người nghèo khổ, thiết thời luôn được thần tiên giúp đỡ. Ta thấy Lang Liêu xứng đáng được vì chàng là người yêu lao động và chăm chỉ, là người gần với cuộc sống nhân dân nhất. Chi tiết đã thể hiện sự đồng tình của nhân dân, họ đứng về phía Lang Liêu, người gần gũi và gắn bó với họ, đồng thời cũng thể hiện niềm tin của nhân dân vào tổ tiên linh thiêng của mình. Chi tiết này làm cho hình tượng nhân vật trở nên đẹp đẽ hơn để câu chuyện hay hơn, hấp dẫn hơn. Có thể nói, chi tiết Lang Liêu được Thần báo mộng và lời báo mộng trở thành hiện thực là một chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa làm nên thành công của truyền thuyết Bánh chưng bánh giầy.

Các hoạt động của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
* HĐ 1: Củng cố kiến thức cơ bản về truyện cổ tích - GV yêu cầu HS nhắc lại KT đã học: 1. Các đặc trưng cơ bản, phân loại truyện cổ tích. 2. Các kĩ năng đọc hiểu văn bản truyện cổ tích. - HS đọc lập suy nghĩ trả lời câu hỏi - GV gọi 2,3 HS trả lời; HS khác nhận xét, bổ sung - GV tổng hợp kiến thức, nhấn mạnh và khắc sâu 1 số KT sau: 1. Truyện cổ tích là truyện kể truyền miệng, ra đời từ rất sớm nhưng đặc biệt phát triển trong xã hội phân chia giai cấp. Qua việc mô tả những số phận con người trong các mối quan hệ gia đình và xã hội, truyện cổ tích trình bày	B. Truyện cổ tích: I. Kiến thức Ngữ văn: 1. Khái niệm: (SGK/14) 2. Đặc trưng: - Truyện cổ tích chủ yếu kể về số phận của những con người nhỏ bé bình thường trong gia đình phụ quyền và xã hội phân chia giai cấp. - Truyện thường có yếu tố hoang đường kỳ ảo gây ấn tượng, hấp dẫn người đọc. - Truyện thể hiện ước mơ niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt

kinh nghiệm sống, quan niệm đạo đức, quan niệm thẩm mỹ, ước mơ và lý tưởng xã hội của nhân dân lao động.

2. Truyện cổ tích chủ yếu kể về số phận của những con người nhỏ bé bình thường trong gia đình phụ quyền và xã hội phân chia giai cấp. Họ là người em út, người con riêng, người mồ côi, người đội lốt xấu xí,...được tác giả dân gian lý tưởng hóa trở thành đại diện cho cái đẹp, cái thiện theo quan điểm của nhân dân.

3. Truyện cổ tích tập trung phản ánh những xung đột trong gia đình hay ngoài xã hội. Sự phản ánh này bộc lộ một lối tư duy nghệ thuật mới của tác giả dân gian khi nhìn nhận về thực tại xã hội và con người trong thời đại truyện cổ tích.

4. Gắn với phương thức truyền miệng, truyện cổ tích là những câu chuyện “*được kể bên bếp lửa hồng*” được kể hằng đêm, đem lại cho người nghe nhất là em những xúc cảm chân thực về cái thiện cái ác cái tốt cái xấu... Vì thế, chuyện cổ tích còn lại những bài học giáo dục đạo đức, giáo dục nhân sinh vô cùng sâu sắc.

5. Dựa vào những khác biệt của hệ thống nhân vật, nội dung và hình thức biểu đạt truyện cổ tích được chia làm ba tiểu loại: truyện cổ tích loài vật, truyện cổ tích thần kỳ, truyện cổ tích sinh hoạt. Trong đó, truyện cổ tích thần kỳ là tiểu loại tiêu biểu nhất. Truyện đậm yếu tố hoang đường với lối kết thúc có hậu đặc trưng. Nhân vật chính thường là “những con người nhỏ bé” chịu nhiều thiệt thòi, bất hạnh trong cuộc sống. Nhờ có sự trợ giúp của các lực lượng thần kỳ, nhân vật vượt qua thử thách, thay đổi số phận.

*** HĐ 2: Hệ thống, củng cố và khắc sâu kiến thức về các văn bản đã học**

- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân hoàn thành các câu hỏi và bài tập để củng cố và mở rộng KT về văn bản Thạch Sanh, sau đó trao đổi và thống nhất trong nhóm cặp và chia sẻ trước lớp.

- HS xác định yêu cầu từng BT, độc lập làm bài sau đó thống nhất theo nhóm cặp.

đối với cái xấu.

2. Phân loại truyền thuyết:

- Truyện cổ tích loài vật
- Cổ tích sinh hoạt
- Truyện cổ tích thần kỳ

3. Kỹ năng đọc văn bản truyện cổ tích:

- Đọc nhanh để xác định văn bản thuộc loại cổ tích nào?

- Đọc kỹ văn bản để tìm ra chủ đề của truyện

- Đọc kỹ để xác định được đặc điểm nhân vật (ngoại hình, phẩm chất)

- Phát hiện được yếu tố thực tại và hư cấu trong truyện cổ tích; ý nghĩa, vai trò của hư cấu, tưởng tượng trong truyện cổ tích.

- Dùng liên tưởng, tưởng tượng để hình dung về “thế giới thực tại” và thế giới lý tưởng trong truyện cổ tích.

- Suy nghĩ để cảm nhận được tư tưởng, quan niệm, triết lý sâu xa của tác giả dân gian gửi gắm qua văn bản truyện cổ tích.

- Từ văn bản liên hệ với bản thân và cuộc sống thực tại để thấy được những giá trị mà truyện cổ tích gợi ra.

II. Củng cố, mở rộng kiến thức về truyện cổ tích

Thạch Sanh:

- GV tổ chức cho HS trình bày và nhận xét, bổ sung từng câu hỏi, từng bài tập. - GV chốt kiến thức từng câu hỏi, từng bài tập:	
Câu 1: Chọn đáp án đúng nhất 1. Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật cổ tích nào ? A. Người dũng sĩ B. Người thông minh C. Người bất hạnh D. Người ngốc nghếch 2. Kết thúc truyện, mẹ con Lí Thông mặc dù đã được Thạch Sanh tha nhưng vẫn bị sét đánh chết và hoá thành bọt hung. Chi tiết này nói lên điều gì? A. Thể hiện sự hoá kiếp đích đáng của kẻ ác B. Thể hiện sự công bằng và đạo lí dân gian C. Thể hiện sự trả thù D. Thể hiện sức mạnh thần kì của thiên nhiên 3. Dòng nào sau đây không làm nên sự hấp dẫn của truyện Thạch Sanh ? A. Các nhân vật với những diễn biến, số phận phức tạp B. Các yếu tố kì ảo hấp dẫn C. Kết thúc có hậu D. Truyện dài 4. Dòng nào không nói lên sự đối lập giữa hai nhân vật Thạch Sanh và Lí Thông ? A. Thật thà và xảo trá B. Vị tha và ích kỉ C. Thiện và ác D. Ngoan ngoãn và hư hỏng 5. Tiếng đàn của Thạch Sanh mỗi lần vang lên có ý nghĩa gì? A. Là tiếng nói của công bằng, bác ái, của đạo lí nhân dân B. Là tiếng lòng của chàng Thạch Sanh hiền lành, đôn hậu C. Là tiếng lòng của Thạch Sanh và sức mạnh cảm hoá diệu kì của nó D. Là tiếng đàn huyền bí thể hiện sức mạnh của Ngọc Hoàng 6. Ý nghĩa chi tiết niêu cơm Thạch Sanh? A. Ước mơ về sự no ấm B. Khát vọng chung sống hoà bình C. Ngợi ca báu vật của Thạch Sanh D. cả ba ý trên 7. Vì sao Thạch Sanh được coi là nhân vật người dũng sĩ ? A. Vì chàng dám sống một mình giữa rừng xanh B. Vì chàng có cây đàn kì diệu C. Vì chàng có niêu cơm ăn hết lại đầy D. Vì chàng là người dũng cảm theo quan niệm của nhân dân Câu 2: Cuộc đời dũng sĩ Thạch Sanh là một chuỗi thử thách. Những thử thách luôn gắn liền với chiến công. Hãy ghi lại ngắn gọn điều đó vào chỗ trống sau : Thử thách : Chiến công : Câu 3: Đoạn văn sau kể về cuộc gặp gỡ giữa Lí Thông và Thạch Sanh: <i>Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó. Thấy Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn, hắn nghĩ bụng: “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”. Lí Thông lân la gọi chuyện, rồi gạ cùng Thạch Sanh kết nghĩa anh em. Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân, nay có</i>	

người săn sóc đến mình, Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời. Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông.

1. Hãy xác định trong đoạn văn đó: lời văn giới thiệu nhân vật, lời văn kể hành động, lời văn kể việc, lời văn kể tâm trạng nhân vật.

2. Đoạn văn giúp em hiểu gì về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh ?

Câu 4: Đọc đoạn văn “ *Biết Lí Thông hại mình, Thạch Sanh cố tìm lối lên. Đến cuối hang, chàng thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú bị nhốt trong chiếc cũi sắt; độ chính là thái tử con vua Thủy Tề. Thạch Sanh dùng cung vàng bắn tan cũi sắt; cứu thái tử ra. Thái tử thoát nạn, hết lời cảm tạ chàng, mời chàng xuống chơi thủy phủ. Vua Thủy Tề sung sướng được gặp lại con, đãi Thạch Sanh rất hậu. Khi chàng về, vua biếu nhiều vàng bạc nhưng Thạch Sanh không nhận, chỉ xin một cây đàn. Chàng lại trở về gốc đa.*” và cho biết:

1. Đoạn văn kể lại sự việc gì ? Sự việc đó gồm những chi tiết nào ? Mỗi quan hệ giữa các chi tiết đó ra sao ?

2. Hãy chỉ ra thứ tự kể việc trong đoạn văn trên. Có thể kể lại sự việc trong đoạn văn trên theo lối kể đảo ngược trật tự được không ? Vì sao ?

Câu 5: Sự xuất hiện của các vật lạ như *cung tên vàng, cây đàn* giữ vai trò và ý nghĩa như thế nào trong câu chuyện ?

Câu 6: Hãy so sánh để làm rõ sự thú vị của các chi tiết thần kì : tiếng sáo của Sọ Dừa trong truyện *Sọ Dừa* - tiếng đàn của Thạch Sanh trong truyện *Thạch Sanh*.

Câu 7: Hãy kể lại cảnh Thạch Sanh dùng cây đàn và niêu cơm thần để thu phục quân mười tám nước chư hầu theo cách tưởng tượng của em.

*** Gợi ý trả lời các câu hỏi và bài tập khó:**

Câu 3:

- Lời văn giới thiệu nhân vật: *Một hôm, có người hàng rượu tên là Lí Thông đi qua đó; Sớm mồ côi cha mẹ, tứ cố vô thân*

- Lời văn kể hành động :

+ *Thạch Sanh gánh về một gánh củi lớn*

+ *Lí Thông lân la gọi chuyện rồi gạ*

+ *Thạch Sanh cảm động, vui vẻ nhận lời*

+ *Chàng từ giã gốc đa, đến sống chung với mẹ con Lí Thông*

- Lời văn kể tâm trạng nhân vật: *Hắn nghĩ bụng : “Người này khoẻ như voi. Nó về ở cùng thì lợi biết bao nhiêu”.*

- Đoạn văn giúp ta hiểu rõ về bản chất hai nhân vật Lí Thông, Thạch Sanh :

+ *Thạch Sanh sống lương thiện, bản chất hiền lành, thật thà.*

+ *Lí Thông sống bằng nghề buôn bán, bản chất gian xảo, xảo trá, luôn lợi dụng người khác.*

Câu 4: Đoạn văn : *Biết Lí Thông hại mình... lại trở về gốc đa* (Ngữ văn 6, tập một, trang 64) kể sự việc Thạch Sanh cứu thái tử con vua Thủy Tề.

Sự việc gồm các chi tiết như sau :

+ *Thạch Sanh tìm cách ra khỏi hang thì gặp thái tử bị nhốt trong cũi sắt.*

+ *Thạch Sanh dùng cung tên vàng giải cứu cho thái tử.*

- + Thái tử cảm tạ và mời Thạch Sanh xuống thăm thủy cung.
- + Vua Thủy Tề sung sướng, hậu đãi Thạch Sanh.
- + Ra về, Thạch Sanh từ chối vàng bạc, chỉ xin một cây đàn.
- + Thạch Sanh trở lại gốc đa xưa với cây đàn.

Quan hệ giữa các chi tiết đó là quan hệ nhân quả : có sự việc trước mới có sự việc sau.

- Thứ tự kể của đoạn văn là thứ tự tự nhiên: việc xảy ra trước kể trước, cứ như vậy cho tới hết. Không thể thay đổi thứ tự kể đó bằng lối kể đảo ngược trật tự vì như trên đã nói: quan hệ giữa các chi tiết tạo nên sự việc là quan hệ nhân quả.

Câu 5: Trong truyện *Thạch Sanh*, cung tên vàng, cây đàn là những vật thần kì, có vai trò và ý nghĩa quan trọng trong sự phát triển câu chuyện.

- Thạch Sanh thuộc kiểu nhân vật dũng sĩ. Bộ cung tên vàng mà chàng thu được như một chiến lợi phẩm trong chiến công đầu tiên (chém chẵn tinh) sau đó đã trở thành vũ khí lợi hại giúp chàng “cứu khốn phò nguy, diệt ác trừ gian”. Chính nhờ những hành động hào hiệp, quả cảm đó mà chàng đã có được hạnh phúc xứng đáng : cưới công chúa và trở thành phò mã của nhà vua.

- Cây đàn thần kì, gắn với nó là tiếng nhạc thần kì giúp Thạch Sanh nơi ngục tối cất lên tiếng đàn bày tỏ nỗi lòng. Tiếng đàn giúp chàng giải được nỗi oan, vạch mặt được kẻ ác. Vì thế tiếng đàn Thạch Sanh là tiếng nói của công lí và chân lí.

- Kì diệu hơn nữa, khi giặc ngoại xâm kéo tới, tiếng đàn của Thạch Sanh cất lên khiến giặc *bủn rủn tay chân... cỡi giáp xin hàng*. Tiếng đàn của Thạch Sanh đã thành một vũ khí lợi hại dẹp yên nguy nan. Đó là tiếng đàn địch vận, tượng trưng cho thiện chí và khát vọng hoà bình.

Câu 6: Tiếng sáo của Sọ Dừa và tiếng đàn của Thạch Sanh là hai chi tiết thần kì có sự giống nhau khá thú vị: là tiếng tơ lòng, là sợi dây tơ hồng vãn vít, kết nối những tấm tình yêu chân thành.

- Nhờ tiếng sáo, cô út được chứng kiến một cảnh tượng diệu kì, được gặp con người thật của Sọ Dừa, được thấy cánh cửa hạnh phúc hé mở trước mắt mình : “*Một hôm cô út vừa mang cơm đến dưới chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước lên, nấp sau bụi cây rình xem thì thấy...*”.

- Nhờ tiếng đàn của Thạch Sanh vọng ra từ trong ngục tối, nàng công chúa con vua “*từ khi được cứu thoát về cung thì bị cấm. Suốt ngày nàng chẳng nói, chẳng cười mặt buồn rười rượi [...] bỗng nói cười vui vẻ*”, biết xin vua cha cho gọi người đánh đàn vào cung. Nhờ thế nỗi oan của Thạch Sanh được giải, bí mật được phơi bày, tội ác bị trừng phạt, hạnh phúc lứa đôi được xe kết: “*Nhà vua gả công chúa cho Thạch Sanh. Lễ cưới của họ tương xứng nhất kinh kì, chưa bao giờ và chưa ở đâu có lễ cưới tương xứng như thế.*”

Câu 7: Theo trí tưởng tượng của mình, học sinh có thể tạo lập một đoạn văn bản tùy vào năng lực của bản thân.

- GV hướng dẫn HS hoạt động cá nhân

III. Vận dụng đọc hiểu văn

làm các bài tập đọc hiểu mở rộng. - HS độc lập thực hiện theo hướng dẫn - GV gọi HS bất kì trình bày bài, HS khác theo dõi đối chiếu với bài làm để nhận xét, bổ sung - GV tổng hợp ý kiến, chuẩn kiến thức	bản mở rộng:
* Bài 1: Đọc truyện cổ tích <i>Lấy vợ cóc</i> và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 6 Ngày xưa, có một nhà làm ruộng hiếm hoi, chỉ sinh được một gái thì lại là...Cóc. Một hôm, bắt đầu mùa gặt, người vợ nhân đi thăm ruộng về bèn lên tiếng phàn nàn ngay từ ngoài ngõ: - Không biết ai nào cứ rút bừa cả lúa ra! Ruộng nhà mình sát ngay đường cái, mình lại neo người, nghĩ tức quá! Cóc nghe thấy lời mẹ than, bèn thưa rằng: - Cha mẹ để con đi canh lúa cho! - Con là Cóc, dù thấy người ta rút lúa đi nữa thì con làm gì được? - Con thấy ai rút lúa, con cứ ở trong ruộng kêu lên là tự khắc người ta phải thôi. Cóc phân trần kể có lý, vả lại hai vợ chồng bác nông phu cũng không còn biết tính cách nào khác được, nên phải nhận lời. Trong số những người hay qua lại bên ruộng nhà mình, Cóc để ý đến một anh học trò tần mẩn nọ. Thấy anh ta nghịch ngợm, Cóc không mắng, mà chỉ hát rằng: - <i>Anh chàng ơi! Hỡi anh chàng</i> <i>Sao anh rút hại lúa vàng nhà em!</i> Giọng nói ngân nga hay quá! Anh học trò lắng nghe và nghĩ đến một gương mặt đẹp như tiên nữ. Thế rồi, hôm sau và hôm sau nữa, anh học trò càng rút nhiều lúa hơn, không phải để chỉ căn chặt, mà chỉ cốt được nghe giọng hát tuyệt vời ấy. Cóc hiểu ý anh học trò trẻ tuổi nên đánh bạo: - <i>Hỡi anh đi đường cái quan</i> <i>Dừng chân đứng lại em than vài lời:</i> <i>Buồng xuân lần lửa hôm mai,</i> <i>Đầu xanh mấy độ da mồi tóc sương!</i> Anh học trò nhìn quanh, thấy vắng liền cũng hát: - <i>Bây giờ mặn mới hỏi đào</i> <i>Vườn hồng đã có ai vào hay chưa?</i> Cóc trả lời: - <i>Mặn hỏi thì đào xin thưa</i> <i>Vườn hồng có lối nhưng chưa ai vào.</i> - À, nếu thế, ta vào vậy! - Anh học trò vừa nghĩ vừa lần xuống ruộng, nhưng người đâu chẳng thấy, anh ta chỉ vắng nghe tiếng nói rất gần: - Em thấy chàng là hiền sĩ. Em muốn kết duyên cùng chàng, chẳng hay chàng có bằng lòng không?	

Thực là một sự kỳ dị khiến anh học trò ngơ ngẩn.

- Kìa sao chàng bỡ ngỡ thế. Em đây, em đứng trước mắt chàng đây thôi!

Trước mặt anh học trò, chỉ có một con Cóc. Tuy vậy, anh học trò ta cũng không hoảng hốt quá đáng, vì thừa bấy giờ, Tiên Phật xuống thử người trần như thế là thường. Anh ta chỉ ngán ngấm đáp:

- Nàng là Cóc, tôi lấy nàng sao được!

Cóc vội cam đoan:

- Em tuy là Cóc, nhưng về đường tề gia nội trợ, em có thể giúp chàng nhiều lắm, chàng đừng lo.

Anh học trò bụng bảo dạ: Không lẽ Cóc mà biết nói! Hay là ta cứ thử về kể với mẹ xem sao.

Về đến nhà, chàng học trò thuật rõ đầu đuôi việc xảy ra cho mẹ nghe. Bà lão thấy kì lạ vô cùng, cũng nghĩ ngay đến chuyện Tiên lấy chồng, Phật đi thử. Và vì con trai quả quyết chỉ muốn được kết duyên cùng nàng Cóc, nên bà đành gật đầu chấp nhận.

Vợ chồng người làm ruộng bắt ngay lấy cơ hội để thở than và trách móc số phận:

- Ấy, bà có lòng thương hỏi đến làm chúng tôi thêm xấu hổ: Ai lại vợ chồng hiểm hoi, cầu khẩn mãi mới được mình cháu thì, đấy bà xem: người chẳng ra người, vật chẳng ra vật!

Cóc ngồi trong buồng kín, nghe thấy cha mẹ than thế, liền thưa vọng ra rằng:

- Người ta đã có lòng đến hỏi, mẹ cha cứ nhận thôi đừng ngại. Con sẽ không làm cha mẹ phải phiền lòng về chuyện này đâu ạ!

Nghe thấy ý định quả quyết và giọng nói sang sảng như tiếng chuông vàng khiến bà mẹ anh học trò càng tin chắc ở một sự phi thường. Và khi bà đứng dậy ra về, hôn lễ của nàng Cóc và anh học trò đã ấn định.

Ngày cưới, hai họ đưa đón tương bừng. Hàng xóm nghe chuyện lạ, kéo nhau đến xem, đông không khác gì đi xem hội.

Nàng Cóc điềm nhiên, nhảy theo đám rước dâu. Khi về tới nhà chồng, nàng chui ngay vào buồng kín.

Từ đấy, cứ hễ mẹ chồng đi chợ buôn bán, chồng nghiên bút đến trường, Cóc lại trút lốt ra, thu xếp quét dọn cửa nhà, làm cơm dẻo canh ngọt để sẵn sàng đấy. Bà lão và con trai ngày nào cũng ăn uống thơm ngon, thêm thấy cửa nhà ngăn nắp sạch sẽ, lấy làm thoả mãn không biết chừng nào.

Anh học trò chỉ còn phải khổ sở mỗi khi thò mặt đến trường: việc anh lấy vợ Cóc đã thành một cớ để các bạn đồng môn nhạo báng. Họ mỉa mai, họ khinh miệt anh ta, bảo anh làm như đàn bà trong thiên hạ không còn ai nữa! Một hôm, họ lập tâm ác nghiệt đến bàn nhau xin với thầy đồ rằng:

- Nhân ngày sinh nhật của thầy, anh em chúng con muốn đặt ra một cuộc thi cổ. Thầy sẽ chấm nhất vào cổ nào thầy cho là khéo nhất.

Thầy đồ ưng thuận. Anh học trò trở về nhà buồn bã, lo đến nỗi quên cả ăn, bỏ cả học, chỉ biết nằm mà thở dài.

Cóc gạn hỏi chồng:

- Có việc gì mà khiến chàng ra vẻ băn khoăn thế? Chàng cứ yên tâm ăn uống và đọc sách đi. Cho dù là việc gì đi nữa thì cũng đừng ngại, sẽ có em lo liệu chu toàn hết cả.

Cóc gắng hỏi đến hai ba bận, anh chồng mới ngại ngừng nói thật.

- Từ khi tôi lấy nàng, tôi bị chúng bạn chê bai tệ quá! Bây giờ họ lại xin với thầy đồ cho thi cổ, chùng để mang tôi ra làm một trò cười ác nghiệt...

- Ồ, tưởng gì! Nếu họ muốn thi cổ thì rồi họ sẽ được xem cổ thiếp nấu!

Thôi, chàng dậy xới cơm đi, rồi cứ đến trường học như thường. Lúc nào họ mang cổ lại đủ thì chàng về mà lấy.

Tuy chưa dám tin hẳn vào lời của vợ, anh học trò cũng không biết làm cách nào hơn là cứ ôm nghiên bút đến trường.

Ngày hôm sau, mấy chục mâm cỗ nghênh ngang vào cổng nhà ông đồ. Mâm của anh học trò lấy vợ Cóc bị chúng bạn anh lừa đặt xuống cuối cùng.

Nhưng, lúc nếm đến những món thơm ngon và lạ miệng bày trong mâm này, thầy đồ khen tẩm tặc mãi, rồi phê cho được nhất.

Đang tự đắc và nhơn nhơn thu xếp một trận cười, lũ học trò người nào người nấy mặt mũi từng hừng như mèo bị cắt tai vậy. Chúng thẹn quá hoá tức, bàn với nhau:

- Nhất định thua keo này bày keo khác, chứ lại chịu nó à?

Rồi chúng lại xin với thầy đồ cho thi may quần áo: Hễ bộ nào thầy mặc vừa vặn và đẹp nhất thì sẽ đoạt giải. Anh học trò lấy vợ Cóc lại phải một phen phải lo lắng. Cóc lại phải kiếm lời an ủi chồng:

- Chàng ơi, cơm dẻo canh ngọt chàng hãy xới đi, còn công việc gì đã có thiếp lo liệu.

Nàng tiên Cóc chờ khi chồng đến trường học, liền hoá phép đi mua vóc nhiều và bí mật đến đo người thầy nên lúc áo may xong đem thi, lại được thầy chấm nhất. Còn của các anh kia thì hoặc dài quá, hoặc ngắn quá, hoặc rộng quá, hoặc chật quá, đều thua cuộc. Chúng càng trở nên cay cú, vội vàng cùng nhau bàn kế:

- Lần này, ta xin phép thầy cho thi xem vợ anh nào đẹp nhất. Vợ chúng ta xấu tốt cũng là người; vợ nó là Cóc lẽ nào không chịu thua, chịu nhục!

Thật đúng là:

Bể sâu còn có kẻ dò

Lòng người nham hiểm ai đo cho cùng!

Anh học trò lấy vợ Cóc nghe tin, cảm thấy tê tái trong lòng. Phải cố gắng lắm mới bước về được đến nhà. Thấy chồng nằm dài trên giường, chẳng nói chẳng rằng, Cóc lại gạn hỏi:

- Hai lần thi cũng đã được nhất, chàng sao còn ưu phiền đến thế?

Câu hỏi dịu dàng của vợ càng làm anh thốn thức. Anh kể lể:

- Đã đành hai bận trước mình đều thắng cuộc, nhưng bây giờ họ lại giở trò thi sắc đẹp của những người vợ với nhau, thì đúng là cố ý ép ta mất mặt còn gì! Muốn bắt nàng đến trường để thi... Bọn chúng thật là ác độc!

Hai mắt Nàng tiên Cóc sáng lên một cách ranh mãnh:

- Chàng đừng ngại, em không để chàng bị nhục với những người đồng môn

kia đâu!

Đã hai lần được vợ giữ trọn lời hứa, anh học trò cũng hơi vững dạ. Đến ngày thi, vợ các sĩ tử đua nhau trang điểm để phô màu thanh lịch. Họ vui cười âm ỉ, vì dù sao mọi người đều đã nắm chắc phần thắng Cóc một cách dễ dàng.

Trong khi ấy, anh học trò kia ngại ngần dẫn vợ đến trường. Anh ta đi trước, chị vợ lạch bạch nhảy theo sau. Cái cảnh tượng ấy làm cho mọi người phải cười ôm bụng và anh chồng cứ phải cúi gằm mặt xuống, thân thể nóng bừng như lên cơn sốt. Có lần anh ta đã nói phẫn:

- Thế này, thà ở nhà quách! Đi lăm chỉ tổ mua cười cho thiên hạ!

Cóc cười rất giòn:

- Làm gì mà quỳnh lên thế! Hãy cứ cho đến nhà thầy đồ đã nào.

Tới cổng trường, Cóc thấy chồng rụt rè không dám bước, liền giục:

- Chàng vào trước đi, em vào ngay.

Anh ta ngờ vực nhưng cũng giả làm theo lời vợ. Kỳ thực anh ta nấp ở xó cổng để rình xem vợ làm ăn ra sao thì thấy Cóc nhảy vào bụi rậm. Một lát sau, từ đám lau sậy, một nàng tiên yếu điệu bước ra, làm anh chàng lóa mắt!

Giải nhất lại lần nữa về vợ chồng nhà Cóc. Và lần này, trước vẻ đẹp nây hào quang của nàng Cóc, bọn đồng môn thành thực và vui vẻ chịu thua. Để tỏ ra không còn chút thù oán, ganh tị gì nữa, chúng đồng thanh bầu anh chồng chị Cóc làm trưởng tràng.

Câu 1: Hãy chỉ ra biểu hiện của yếu tố hoang đường, kì ảo trong văn bản? Theo em yếu tố hoang đường, kì ảo có vai trò như thế nào trong diễn biến của câu chuyện?

Câu 2: Nhân vật người vợ cóc được tác giả dân gian phản ánh ở những phương diện nào? Qua việc xây dựng kiểu nhân vật người vợ cóc, tác giả dân gian đã bộc lộ quan niệm gì?

Câu 3: Truyện *Lấy vợ cóc* thuộc tiểu loại truyện cổ tích nào? Nêu nội dung ý nghĩa của truyện *Lấy vợ cóc*.

Câu 4: Nhân vật người vợ cóc trong truyện giống nhân vật đội lốt xấu xí nào mà em biết? Theo em giữa các nhân vật đó giống nhau ở những điểm nào?

Câu 5: Cho biết 2 từ “*buôn bán*” và từ “*sẵn sàng*” trong câu: *Từ đấy, cứ hễ mẹ chồng đi chợ buôn bán, chồng nghiên bút đến trường, Cóc lại trút lốt ra, thu xếp quét dọn cửa nhà, làm cơm dẻo canh ngọt để sẵn sàng đấy. Từ nào là từ ghép? Từ nào là từ láy?*

Câu 6: Từ câu chuyện *Lấy vợ cóc* gợi cho em suy nghĩ gì về sự hoàn thiện của bản thân?

*** Gợi ý trả lời:**

Câu 1: Yếu tố hoang đường kì ảo trong truyện được thể hiện qua hành động việc làm của người vợ cóc (biết nói, biết trông coi ruộng lúa, nấu cỗ, may áo); Sự biến hóa từ vật thành người. Yếu tố hoang đường kì ảo giúp cho người vợ cóc vượt qua các thử thách, đi đến cái kết có hậu trong cuộc

đời nhân vật, theo mong ước của nhân dân. Câu chuyện cũng vì thế mà trở nên ly kỳ hơn, hấp dẫn hơn.

Câu 2: Nhân vật người vợ cóc được phản ánh ở các phương diện:

- Phẩm chất: chăm chỉ, hiếu thảo (sẵn sàng làm việc nhà), khéo léo, đảm đang (nấu cỗ, may áo)

- Ngoại hình diện mạo lúc đầu xấu xí với hình hài con cóc về sau chút chốt trở thành cô gái xinh đẹp.

Tác giả dân gian đã bộc lộ quan niệm thẩm mỹ, khi hướng tới một vẻ đẹp hoàn thiện, hài hòa giữa nội dung và hình thức khi xây dựng cổ vật như người vợ cóc.

Câu 3: Truyện *Lấy vợ cóc* thuộc tiểu loại cổ tích thần kỳ. Truyện phản ánh diễn biến số phận của người vợ cóc, từ chỗ xấu xí bất hạnh đến chỗ xinh đẹp, hạnh phúc. Truyện đề cao những giá trị đạo đức tốt đẹp và bênh vực những con người không may bị khiếm khuyết hình hài trong xã hội.

Câu 4: Nhân vật người vợ cóc giống nhân vật đội lốt xấu xí như Sọ Dừa (HS có thể lấy những nhân vật khác). Các nhân vật giống nhau ở chỗ: Họ đều là người tốt, chăm chỉ, hiếu thảo nhưng sinh ra đã phải mang hình hài dị dạng, xấu xí; sau khi trải qua thử thách, họ trút bỏ cái lốt trở thành người đẹp đẽ.

Câu 5: Từ “*buôn bán*” là từ ghép và từ “*sẵn sàng*” là từ láy.

Câu 6: Tự hoàn thiện bản thân thể hiện ở cả hai phương diện nội dung (phẩm chất) và hình thức (ngoại hình, diện mạo). Học sinh có thể trình bày ý kiến của mình về vấn đề này một cách ngắn gọn, thuyết phục.

